

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**KẾ HOẠCH  
KINH DOANH NĂM 2026**

**ĐƠN VỊ: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI THUỶ NGUYÊN**

Hải Phòng, tháng 01 năm 2026

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG  
CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG  
TRÌNH THỦY LỢI THỦY NGUYÊN

Số: 15 /QĐ-TLTN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 30 tháng 01 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Công ty TNHH  
Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Thủy Nguyên

### CHỦ TỊCH CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI THỦY NGUYÊN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2025;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp ngày  
14/6/2025;

Căn cứ Văn bản số 660/BTC-DNNN ngày 16/01/2026 của Bộ Tài chính về  
việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị định số 365/2025/NĐ-CP và Nghị định số  
365/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 365/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về  
giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong  
quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về  
quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân  
thành phố Hải Phòng về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh  
thành phố 5 năm 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân  
thành phố Hải Phòng về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố năm 2026;

Căn cứ Quyết định 1380/QĐ-UBND ngày 17/7/2009 của Ủy ban nhân dân  
thành phố Hải Phòng về việc chuyển Công ty Khai thác công trình thủy lợi Thủy  
Nguyên thành Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Thủy  
Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2619/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 và Quyết định số  
2351/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về



việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Thủy Nguyên;

Căn cứ Văn bản số 597/STC-ĐKKD&QLDN ngày 22/01/2026 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn xây dựng, ban hành kế hoạch kinh doanh năm 2026 của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc Công ty.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này là Kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Thủy Nguyên.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện.

Tổng Giám đốc, các Phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Công ty theo chức năng, nhiệm vụ của mình tổ chức thực hiện Kế hoạch đúng quy định, đảm bảo hoàn hành kế hoạch; kịp thời xử lý những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện và đề xuất, kiến nghị Chủ tịch Công ty giải quyết theo quy định những vấn đề vượt thẩm quyền.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày ký

Tổng Giám đốc Công ty, Trưởng các Phòng chuyên môn, Trưởng các đơn vị thuộc Công ty căn cứ quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch Công ty;
- Tổng GD Công ty;
- Kiểm soát viên;
- Các đơn vị thuộc Công ty;
- Lưu: VT, KH.



**CHỦ TỊCH CÔNG TY**

**Nguyễn Trung Kiên**



MST: 0200165520

Hải Phòng, ngày 30 tháng 01 năm 2026

## KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026

(kèm theo Quyết định số **15** /QĐ-TLTN ngày 30/01/2026 của Chủ tịch Công ty  
TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Thủy Nguyên)

### I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

#### 1. Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Năm 2025, tập thể cán bộ, công nhân viên lao động Công ty đã nỗ lực thực hiện, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố giao: Làm tốt công tác điều hành nguồn nước, cung cấp đầy đủ, kịp thời nguồn nước có chất lượng tốt phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và đời sống dân sinh; Thực hiện bố trí, sắp xếp lao động hợp lý, đảm bảo 100% người lao động có việc làm và thu nhập ổn định; Đảm bảo đầy đủ các chế độ, chính sách cho người lao động; Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ngân sách Nhà nước; Bảo toàn và phát triển nguồn vốn chủ sở hữu.

**Bảng tổng hợp kết quả thực hiện năm 2025**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	So sánh TH/KH (%)
<b>1</b>	<b>Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu:</b>				
1.1	Diện tích tưới, tiêu nông nghiệp	Ha	13.773	12.986	94,3
1.2	Cấp nước cho chăn nuôi	m <sup>3</sup>	267.966	267.966	100,0
1.3	Tiêu thoát nước khu vực nông thôn và đô thị (trừ vùng nội thị)	Ha	14.372	14.788	102,9
1.4	Cấp nước thô cho sinh hoạt và công nghiệp	Triệu m <sup>3</sup>	30,5	32,16	105,4
1.5	Tiêu thoát nước khu công nghiệp, cụm công nghiệp, nhà máy...	Ha	808	808	100,0
<b>2</b>	<b>Tổng doanh thu, trong đó:</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>63.568</b>	<b>69.797</b>	<b>109,8</b>
2.1	Hoạt động dịch vụ thủy lợi	Triệu đồng	50.898	51.041	100,3
	- Dịch vụ thủy lợi công ích		23.298	21.944	94,2
	- Dịch vụ thủy lợi khác (nước thô...)		27.600	29.097	105,4
2.2	Hoạt động XD CB, doanh thu khác	Triệu đồng	12.670	18.756	148,0
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>4.600</b>	<b>5.007</b>	<b>108,9</b>

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	So sánh TH/KH (%)
4	Nộp ngân sách	Triệu đồng	3.600	4.307	119,6
5	Số lao động	Người	248	240	96,8
6	Thu nhập bình quân (người/tháng)	Triệu đồng	9,400	9,678	102,96
7	Lương bình quân	Triệu đồng	7,560	7,969	105,4

### Đánh giá chỉ tiêu thực hiện so với kế hoạch năm 2025:

(1) Tổng doanh thu thực hiện năm 2025 đạt 69.797 triệu đồng bằng 109,8% so với kế hoạch. Cơ cấu tăng doanh thu: Tăng từ nguồn dịch vụ thủy lợi khác (nước thô) là 105,4% so với kế hoạch (giá trị tương ứng 29.097 triệu đồng/27.600 triệu đồng); Doanh thu từ hoạt động xây dựng cơ bản, doanh thu khác tăng 148,0% (giá trị tương ứng 18.756 triệu đồng/12.670 triệu đồng).

(2) Tổng chi phí thực hiện năm 2025 tăng 5.822 triệu đồng so với kế hoạch được phê duyệt, nguyên nhân:

- Yếu tố chi phí tăng là 6.720 triệu đồng, gồm: Chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn, kinh phí công đoàn năm 2025 tăng 137 triệu đồng (do Công ty thực hiện lương mới theo NĐ số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025); Chi phí sửa chữa thường xuyên tăng 767 triệu đồng; Chi phí Quản lý doanh nghiệp và thuế Tài nguyên tăng 19 triệu đồng; Chi phí hoạt động xây dựng cơ bản tăng 5.410 triệu đồng do nhu cầu thực tế; Chi trả dịch vụ thủy lợi cho các Hợp tác xã tăng 95 triệu đồng; Các chi phí khác như: Chi phí phục vụ PCLB, ứng hạn, Quỹ trợ cấp mất việc làm, Bảo hộ ATLĐ, bảo vệ công trình, chi phí khác tăng 292 triệu đồng do tăng chi phí phục vụ công tác phòng chống lụt bão do ảnh hưởng của cơn bão số 3 năm 2024 (bão Yagi) và một số chi phí phụ trợ phát sinh khác.

- Yếu tố chi phí giảm là 898 triệu đồng, gồm: Chỉ tiêu chi phí tiền lương, tiền ăn ca năm 2025 giảm 618 triệu đồng so với kế hoạch năm 2025 (do Công ty thực hiện lương mới theo NĐ số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 và Công ty chưa sử dụng đủ lao động kế hoạch); Chi phí khấu hao tài sản cố định giảm 31 triệu đồng; Chi phí nguyên, nhiên liệu phục vụ công tác sửa chữa bảo dưỡng; chi phí tiền điện tưới tiêu nước giảm 28 triệu đồng so với kế hoạch do Công ty đã ngăn ngừa, khắc phục kịp thời các sự cố công trình hư hỏng. Một số chi phí khác như: Chi phí nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ mới,... giảm 221 triệu đồng là do Công ty thực hiện tiết kiệm chi phí để khắc phục ảnh hưởng do ảnh hưởng của cơn bão số 3 năm 2024 (bão Yagi).

(3) Thực hiện nộp ngân sách năm 2025 là 4.307 triệu đồng (bằng 119,6%, tương ứng tăng 707 triệu đồng so với kế hoạch) là do số thuế phải nộp năm 2024 chuyển sang năm 2025, riêng thuế TNDN phải nộp của năm 2024 chuyển sang là 511 triệu đồng.

(4) Các chỉ tiêu khác, lợi nhuận sản xuất kinh doanh (108,9%), tiền lương bình quân (105,4%) và thu nhập bình quân của người lao động (102,96%) đều đạt

N:0  
CÓN  
T  
IỘT TH  
KHA  
CÔNG TR  
TH  
VH PH

và tăng so với kế hoạch được phê duyệt do tổng doanh thu tăng, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Chỉ tiêu Thu nhập bình quân (người/tháng) tăng 0,278 triệu đồng so với kế hoạch 2025. Chỉ tiêu thu nhập bình quân trong Công ty được tính bao gồm: 04 cán bộ viên chức quản lý Công ty và toàn bộ cán bộ, nhân viên, người lao động trong Công ty. Thu nhập bình quân của Công ty năm 2025 là 9,678 triệu đồng/người/tháng, cao hơn 1,709 triệu đồng so lương bình quân (7,969 triệu đồng/người/tháng) vì ngoài các khoản tính theo lương người lao động còn bao gồm thêm tiền ăn ca, tiền thưởng trong năm, tiền chi ngày lễ, tết... theo quy định của Công ty.

(5) Chỉ tiêu diện tích tưới tiêu nông nghiệp 12.986ha/13.773ha đạt 94,3% so với kế hoạch: Diện tích tưới, tiêu giảm do việc thu hồi diện tích đất nông nghiệp cho các khu công nghiệp, phát triển cơ sở hạ tầng; giảm do người dân bỏ ruộng không canh tác. Đây là nguyên nhân ảnh hưởng trực tiếp đến chỉ tiêu doanh thu sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2025 (đạt 21.944 triệu đồng/23.298 triệu đồng) bằng 94,2% kế hoạch.

Bên cạnh đó, diện tích tiêu thoát nước khu công nghiệp, cụm công nghiệp, nhà máy... Công ty vẫn đang phải thực hiện nhưng chưa được tính doanh thu; phương án giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác năm 2025 chưa được phê duyệt ảnh hưởng đến nguồn thu của Công ty.

(6) Chỉ tiêu số lao động là 240 lao động/248 lao động bằng 96,8% so với kế hoạch: là do Công ty không thực hiện bố trí hết số lao động theo kế hoạch, để tiết kiệm chi phí tiền lương và đảm bảo chi trả chế độ người lao động.

## **2. Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển:**

Thực hiện Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2025 được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1729/QĐ-UBND ngày 05/6/2025 và Quyết định số 4597/QĐ-UBND ngày 14/11/2025, Công ty đã thường xuyên kiểm tra, khắc phục kịp thời các sự cố hư hỏng đột xuất tại các công trình, đồng thời thực hiện việc duy tu, sửa chữa các công trình đã được bố trí vốn năm 2025.

Theo Quyết định số 1729/QĐ-UBND ngày 05/6/2025 về phê duyệt Kế hoạch năm 2025, kế hoạch tổng vốn đầu tư năm 2024 là 22.563 triệu đồng, trong đó:

- Công trình duy tu sửa chữa từ nguồn ngân sách hỗ trợ: 14.243 triệu đồng.
- Công trình duy tu sửa chữa từ nguồn dịch vụ thủy lợi, nguồn thu khác: 7.020 triệu đồng.
- Công trình cải tạo, nâng cấp từ Quỹ đầu tư phát triển công ty: 1.300 triệu đồng.

### **Kết quả thực hiện như sau:**

Công ty đã triển khai thực hiện hầu hết các công trình thuộc danh mục công trình được phê duyệt và các công trình sửa chữa sự cố đột xuất, cấp bách trên hệ thống... tổng kinh phí được phê duyệt là 23.778 triệu đồng, tăng 1.215 triệu đồng

so với Kế hoạch 2025, trong đó có 03 công trình được thực hiện chuyển tiếp sang năm 2026 với kinh phí còn lại chưa thực hiện là 1.690 triệu đồng (từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển công ty và nguồn dịch vụ thủy lợi, nguồn thu khác), còn lại là các công trình được thi công hoàn thành trong năm 2025 với tổng kinh phí quyết toán các công trình là 21.733 triệu đồng. Cụ thể:

- Về các công trình sửa chữa từ nguồn ngân sách hỗ trợ với kinh phí dự kiến: 16.008 triệu đồng (Trong đó nguồn ngân sách hỗ trợ TSCĐ là 15.597 triệu đồng; nguồn dịch vụ thủy lợi là 411 triệu đồng), tăng 1.765 triệu đồng so với Kế hoạch, trong đó:

+ Ngày 05/6/2025, UBND thành phố ban hành Quyết định số 1729/QĐ-UBND phê duyệt Kế hoạch năm 2025 là 14.243 triệu đồng, trong đó số quyết toán đến hết năm 2025 là 14.137 triệu đồng.

+ Ngày 14/11/2025, UBND thành phố ban hành Quyết định số 4597/QĐ-UBND phân bổ kinh phí hỗ trợ bảo trì, sửa chữa TSCĐ từ nguồn kết dư kinh phí đặt hàng cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2025: 1.354 triệu đồng, trong đó số quyết toán hết năm 2025 là 1.637 triệu đồng (Trong đó nguồn hỗ trợ TSCĐ là 1.354 triệu đồng; nguồn dịch vụ thủy lợi là 283 triệu đồng).

- Về nguồn dịch vụ thủy lợi và nguồn thu khác: Tổng kinh phí phê duyệt là 7.079 triệu đồng, tăng 59 triệu đồng so với Kế hoạch, trong đó số quyết toán đến hết năm 2025 là 5.363 triệu đồng; 02 công trình với kinh phí 997 triệu đồng tiếp tục thực hiện trong năm 2026.

- Công trình cải tạo từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển công ty (theo kế hoạch là 1.300 triệu đồng) với kinh phí dự kiến là 2.274 triệu đồng, tăng 974 triệu đồng so với Kế hoạch, trong đó số quyết toán đến hết năm 2025 là 1.524 triệu đồng; 01 công trình với dự toán là 660 triệu đồng tiếp tục thực hiện năm 2026.

Công tác đầu tư xây dựng, sửa chữa được Công ty triển khai theo đúng trình tự xây dựng cơ bản, đảm bảo yêu cầu tiến độ, kỹ thuật và chất lượng đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất.

*(Có bảng tổng hợp chi tiết thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2025 kèm theo)*

#### **Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển:**

- Đối với danh mục duy tu, sửa chữa các công trình thủy lợi (từ Nguồn hỗ trợ bảo trì, sửa chữa tài sản cố định).

Công ty được UBND thành phố hỗ trợ nguồn vốn theo Quyết định số 1729/QĐ-UBND ngày 05/6/2025 là 14.243 triệu đồng; nguồn hỗ trợ từ nguồn kết dư kinh phí đặt hàng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2025 theo Quyết định số 4597/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 là 1.354 triệu đồng, tổng nguồn hỗ trợ bảo trì, sửa chữa tài sản cố định năm 2025 là 15.597 triệu đồng.

Công ty đã thực hiện đầu tư 08 công trình thuộc danh mục đầu tư theo Quyết định số 1729/QĐ-UBND ngày 05/6/2025 và bổ sung thêm 01 công trình theo Quyết định số 4597/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND thành phố với tổng kinh phí phê duyệt là 16.008 triệu đồng, tổng kinh phí nghiệm thu quyết toán các

công trình là 15.774 triệu đồng; các công trình được triển khai thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng kịp thời phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh kinh tế trên địa bàn.

- Đối với danh mục duy tu, sửa chữa các công trình thủy lợi (từ Nguồn hỗ trợ dịch vụ công ích thủy lợi; nguồn thu khác của Công ty).

Kế hoạch vốn được dự kiến phê duyệt là 7.020 triệu đồng, Công ty đã thực hiện hầu hết công trình thuộc danh mục đầu tư và các hạng mục công trình sửa chữa sự cố đột xuất, cấp bách trên hệ thống; vớt bèo, rác, vệ sinh kênh mương, khai thông dòng chảy... với tổng kinh phí phê duyệt là 7.079 triệu đồng. Một số công trình còn lại (22 công trình được đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ khắc phục hậu quả bão số 3 (Yagi) theo Quyết định số 5114/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND thành phố với kinh phí dự toán là 8.264 triệu đồng và kinh phí quyết toán là 8.125 triệu đồng).

Như vậy, tổng mức đầu tư thực hiện quyết toán năm 2025 là 21.733 triệu đồng bằng 96,32% so với kế hoạch là 22.563 triệu đồng.

## II. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026

Căn cứ kết quả thực hiện Kế hoạch năm 2025, Công ty xây dựng Kế hoạch kinh doanh năm 2026 cụ thể như sau:

### 1. Kế hoạch kinh doanh năm 2026

Thực hiện tốt công tác quản lý điều hành, khai thác hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn 08 xã, phường (phía Bắc thành phố) đảm bảo phục vụ nguồn nước có chất lượng tốt cho sản xuất nông nghiệp, cung cấp nước thô cho sản xuất công nghiệp, xây dựng, sản xuất nước sạch và các ngành kinh tế khác trên địa bàn.

Tìm kiếm thị trường, mở rộng các ngành nghề sản xuất kinh doanh (phù hợp) nhằm tạo thêm việc làm cho người lao động, tăng trưởng doanh thu; tranh thủ mọi nguồn vốn để cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi đáp ứng được yêu cầu phòng chống bão lụt, tưới tiêu và cấp nước; đổi mới, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy và lực lượng lao động theo hướng tinh giảm, gọn nhẹ, hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tiễn của Công ty; đảm bảo việc làm, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập cho người lao động; bảo toàn và phát triển nguồn vốn nhà nước tại doanh nghiệp, hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch và nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước. Cụ thể như sau:

- Quản lý và khai thác tốt hệ thống công trình thủy lợi, bảo vệ nguồn nước phục vụ tốt sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, các ngành kinh tế và đời sống dân sinh. Diện tích phục vụ tưới, tiêu sản xuất nông nghiệp là 13.239 ha.

- Khai thác triệt để dịch vụ cung cấp nước thô cho sản xuất công nghiệp, xây dựng và sinh hoạt, thực hiện hợp đồng cung cấp nước thô các đơn vị sử dụng nước với sản lượng kế hoạch năm 2026 là: 32.500.000 m<sup>3</sup>.

- Đảm bảo việc tiêu thoát nước, không để úng lụt cho khu vực nông thôn và đô thị (trừ vùng nội thị) với diện tích là: 14.376 ha và tiêu thoát nước cho khu

công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và các nhà máy công nghiệp trên địa bàn 08 xã, phường (phía Bắc thành phố) với diện tích là: 808 ha.

- Giữ vững và khai thác tốt các hoạt động: Tư vấn thiết kế, tư vấn kỹ thuật, giám sát thi công các công trình giao thông, thủy lợi, xây dựng dân dụng và công nghiệp; tham gia đấu thầu, nhận thầu tổ chức thi công các công trình, hạng mục công trình phòng chống lụt bão hàng năm, các công trình thủy lợi, giao thông, xây dựng dân dụng và công nghiệp; dịch vụ cơ khí, kinh doanh vật tư phụ tùng, máy móc thiết bị chuyên ngành thủy lợi.

**Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026:**

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026	So sánh với thực hiện 2025	
				Thực hiện 2025	Chênh lệch
1	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu:				
1.1	Diện tích tưới, tiêu nông nghiệp	Ha	13.239	12.986	253
1.2	Cấp nước cho chăn nuôi	m <sup>3</sup>	267.966	267.966	0
1.3	Tiêu thoát nước khu vực nông thôn và đô thị (trừ vùng nội thị)	Ha	14.376	14.788	-412
1.4	Cấp nước thô cho sinh hoạt và công nghiệp	Triệu m <sup>3</sup>	32,500	32,16	0,34
1.5	Tiêu thoát nước khu công nghiệp, cụm công nghiệp, nhà máy...	Ha	808	808	0
2	Tổng doanh thu, trong đó:	Triệu đồng	71.268	69.796	1.472
2.1	Hoạt động dịch vụ thủy lợi	Triệu đồng	52.437	51.041	1.396
	- Dịch vụ thủy lợi công ích	Triệu đồng	23.037	21.944	1.093
	- Dịch vụ thủy lợi khác	Triệu đồng	29.400	29.097	303
2.2	Hoạt động XDCCB, doanh thu khác	Triệu đồng	18.831	18.756	75
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	5.112	5.007	105
4	Nộp ngân sách	Triệu đồng	3.800	4.307	-507
5	Lao động	Người	248	240	8
6	Thu nhập bình quân (người/tháng)	Triệu đồng	10,000	9,678	0,322
7	Tiền lương bình quân	Triệu đồng	8,620	7,969	0,651

**\* Giải trình chỉ tiêu kế hoạch 2026 so với thực hiện năm 2025 và kế hoạch năm 2025**

(1) Đối với sản lượng dịch vụ công ích thủy lợi:

Căn cứ Quyết định số 3460/QĐ-UBND ngày 26/8/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2025 cho các Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn Đông Hải Phòng (Đơn giá tại Quyết định số 3460/QĐ-UBND bằng đơn giá tại Quyết định số 46/2021/QĐ-UBND).

Căn cứ Quyết định số 5199/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 của UBND thành phố về phê duyệt khối lượng công việc, diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2026 trong lưu vực do các Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi phục vụ trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Diện tích tưới, tiêu nông nghiệp KH 2026 là 13.239ha, tăng 253ha so với thực hiện 2025, giảm 534ha so với kế hoạch 2025. Nguyên nhân là do diện tích người dân bỏ ruộng không canh tác, do việc thu hồi đất cho các khu công nghiệp và phát triển cơ sở hạ tầng và Công ty đã phối hợp với các địa phương trên địa bàn thành phố Hải Phòng thực hiện rà soát, khai thác điều tra thực tế sản xuất. Căn cứ kế hoạch diện tích thành phố giao, đăng ký diện tích sản xuất nông nghiệp năm 2026 của địa phương (các Hợp tác xã nông nghiệp), Công ty đưa vào kế hoạch sản phẩm, dịch vụ công ích năm 2026 tăng 253ha so với thực hiện năm 2025.

- Cấp nước cho chăn nuôi là 267.966m<sup>3</sup>, bằng kết quả thực hiện năm 2025 và kế hoạch 2025 do Công ty xây dựng trên cơ sở kết quả thực hiện năm 2025 đã được nghiệm thu là 267.966 m<sup>3</sup>.

- Tiêu thoát nước khu vực nông thôn và đô thị (trừ vùng nội thị): 14.376ha, giảm 412ha so với thực hiện 2025, tăng 4ha so với kế hoạch 2025 là do phần diện tích người dân bỏ ruộng không canh tác năm 2025 (đã nghiệm thu), do việc thu hồi đất cho các khu công nghiệp và phát triển cơ sở hạ tầng; năm 2026 Công ty chuyển diện tích người dân bỏ ruộng không canh tác năm 2025 sang kế hoạch tưới, tiêu nông nghiệp.

(2) Đối với sản lượng dịch vụ thủy lợi khác:

- Cấp nước thô cho sinh hoạt và công nghiệp: 32,50 triệu m<sup>3</sup>, tăng 0,34 triệu m<sup>3</sup> so với thực hiện năm 2025, tăng 2 triệu m<sup>3</sup> so với kế hoạch 2025. Lý do: dự kiến sản lượng khai thác sẽ tăng thêm từ nhu cầu thực tế của các đơn vị dùng nước thô phục vụ sản xuất công nghiệp, dịch vụ và sản xuất nước sinh hoạt... trên địa bàn thành phố Hải Phòng trong năm 2026.

- Tiêu thoát nước khu công nghiệp, cụm công nghiệp, nhà máy... là 808ha, bằng kết quả thực hiện năm 2025 và kế hoạch năm 2025; do Công ty xây dựng trên cơ sở kết quả thực hiện năm 2025 đã được nghiệm thu là 808 ha.

Đối với chỉ tiêu này, hàng năm Công ty vẫn phải thực hiện nhưng chưa có doanh thu do giá dịch vụ chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do vậy, Công ty xây dựng kế hoạch thực hiện chỉ tiêu này trong năm 2026 bằng số thực hiện năm 2025.

(3) Chỉ tiêu tổng doanh thu: 71.268 triệu đồng:

- Tổng doanh thu kế hoạch 2026 tăng 1.472 triệu đồng và đạt 102,11% so với thực hiện năm 2025 là do những nguyên nhân tăng/giảm như sau:

+ Doanh thu dịch vụ công ích thủy lợi tăng 1.093 triệu đồng do diện tích tưới, tiêu nông nghiệp KH năm 2026 tăng 253 ha (so với thực hiện 2025).

+ Doanh thu dịch vụ thủy lợi khác tăng 303 triệu đồng là do dự kiến sản lượng khai thác sẽ tăng thêm từ nhu cầu thực tế của các đơn vị dùng nước thô phục vụ sản xuất công nghiệp, dịch vụ và sản xuất nước sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hải Phòng trong năm 2026.

+ Doanh thu hoạt động xây dựng cơ bản, doanh thu khác tăng 75 triệu đồng là do: Năm 2025, Công ty đã thực hiện công tác đấu thầu, thực hiện các dự án kinh doanh khai thác ngoài đối với các công trình trên địa bàn thành phố Hải Phòng và các địa phương lân cận với tổng doanh thu ghi nhận là 18.090 triệu đồng. Năm 2026, Công ty xây dựng kế hoạch doanh thu đối với nguồn thu từ hoạt động xây dựng cơ bản là 18.831 triệu đồng tăng 75 triệu đồng so với số thực hiện năm 2025.

Từ việc tăng doanh thu nêu trên, dẫn đến tổng chi phí kế hoạch năm 2026 của Công ty cũng tăng 1.366 triệu đồng so với số thực hiện năm 2025.

\* Tổng doanh thu kế hoạch năm 2026 tăng 7.700 triệu đồng, bằng 112,13% so với kế hoạch năm 2025, bởi lý do sau:

+ Doanh thu từ hoạt động công ích thủy lợi giảm 261 triệu đồng: Công ty xây dựng chỉ tiêu doanh thu năm Kế hoạch 2025 theo giá sản phẩm dịch vụ công ích đảm bảo bù đắp chi phí quản lý, vận hành, bảo trì và chi phí thực tế hợp lý khác. Tuy nhiên đến nay, Đơn giá đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích được tính theo Quyết định số 3460/QĐ-UBND ngày 26/8/2025 về Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2025 cho các Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn Đông Hải Phòng (*Đơn giá tại Quyết định số 3460/QĐ-UBND bằng đơn giá tại Quyết định số 46/2021/QĐ-UBND*). Do vậy, Công ty xây dựng chỉ tiêu doanh thu năm Kế hoạch 2026 kỳ này theo giá quy định tại Quyết định số 3460/QĐ-UBND ngày 26/8/2025 của UBND thành phố và giá thực hiện trong năm 2025 cho phù hợp.

+ Chỉ tiêu doanh thu dịch vụ thủy lợi khác tăng 1.800 triệu đồng do sản lượng khai thác tăng thêm đã nêu ở trên.

+ Chỉ tiêu hoạt động xây dựng cơ bản, doanh thu khác tăng 6.161 triệu đồng là do năm 2026 Công ty tiếp tục duy trì và thực hiện công tác đấu thầu, thực hiện hoạt động xây dựng cơ bản với sản lượng dự kiến 18.831 triệu đồng.

(4) Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế

Kế hoạch năm 2026 là 5.112 triệu đồng:

+ Tăng 105 triệu đồng so với thực hiện năm 2025 là do tổng doanh thu tăng như nội dung giải trình nêu trên.



+ Tăng 512 triệu đồng so với Kế hoạch năm 2025 là do Công ty xây dựng trên cơ sở kết quả thực hiện năm 2024.

(5) Chỉ tiêu nộp Ngân sách

Kế hoạch năm 2026 là 3.800 triệu đồng:

+ Giảm so với thực hiện năm 2025 là 507 triệu đồng là do trong năm thực hiện 2025 phát sinh khoản thuế năm 2024 chuyển sang; năm 2026 Công ty không còn khoản số thuế phải nộp của năm trước chuyển sang.

+ Tăng 200 triệu đồng so với Kế hoạch năm 2025 là do Công ty xây dựng trên cơ sở kết quả thực hiện năm 2025, không còn khoản số thuế phải nộp của năm trước chuyển sang năm 2026.

(6) Chỉ tiêu số lao động

Căn cứ vào khối lượng công việc, diện tích sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi và khối lượng sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác năm 2025; Định mức KTKT theo Quyết định số 5142/2025/QĐ-UBND ngày 18/12/2025 của UBND thành phố Hải Phòng thì số lao động kế hoạch của Công ty là 357 lao động (*Chi tiết theo Bảng tính diện tích quy đổi và số lao động kế hoạch năm 2026*). Tuy nhiên Công ty xây dựng Chỉ tiêu số lao động năm 2026 là 248 người, tăng 08 người so với thực hiện năm 2025 do Công ty đang tiếp tục rà soát, bổ sung thêm số lao động tại các đơn vị phù hợp với tình hình thực tế sản xuất.

(7) Chỉ tiêu thu nhập bình quân

Kế hoạch năm 2026 là 10,0 triệu đồng/người/tháng, tăng 322 nghìn đồng so với thực hiện năm 2025 và tăng 0,6 triệu đồng so với Kế hoạch năm 2025 là do căn cứ vào kết quả thực hiện năm 2025 và dự kiến tình hình thực tế thực hiện trong năm 2026 của Công ty.

**2. Kế hoạch đầu tư 2026**

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Thủy Nguyên xây dựng Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2026 như sau:

**Bảng Kế hoạch đầu tư năm 2026**

Triệu đồng

TT	Dự án, công trình	Nguồn vốn	KH 2026 đề nghị phê duyệt kỳ này
I	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi	Duy tu, sửa chữa các công trình thủy lợi (Kinh phí từ nguồn bảo vệ đất trồng lúa)	35.983
		Duy tu, sửa chữa các công trình thủy lợi (Kinh phí từ nguồn dịch vụ thủy lợi và các nguồn thu khác của Công ty)	5.700
	<b>Tổng cộng:</b>		<b>41.683</b>

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Thủy Nguyên đã rà soát xếp danh mục đầu tư theo thứ tự ưu tiên, dự kiến kinh phí các công trình phù hợp với nguồn hỗ trợ kinh phí bảo vệ đất trồng lúa do ngân sách thành phố cấp và khả năng cân đối các nguồn thu của Công ty (kèm theo Kế hoạch tài chính năm 2026 Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Thủy Nguyên). Năm 2026, Công ty xây dựng kế hoạch cải tạo, nâng cấp, sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi với tổng kinh phí dự kiến là 41,683 tỷ đồng.

*Nội dung Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa thường xuyên bao gồm:*

- Duy tu, sửa chữa các công trình thủy lợi (gồm 20 công trình và hạng mục công trình) từ nguồn bảo vệ đất trồng lúa là 35.983 triệu đồng (kinh phí Công ty dự kiến được UBND thành phố hỗ trợ năm 2026 theo Quyết định số 5055/QĐ-UBND ngày 12/12/2025).

Theo đó, xuất phát từ thực tế trường hợp kinh phí phê duyệt và quyết toán của các công trình vượt quá số được cấp hỗ trợ sửa chữa tài sản cố định từ ngân sách, Công ty tự cân đối từ các nguồn tài chính hợp pháp khác để bù đắp phần kinh phí còn thiếu sau khi quyết toán.

- Duy tu, sửa chữa các công trình thủy lợi (gồm 09 công trình và hạng mục công trình) từ nguồn dịch vụ thủy lợi và các nguồn thu khác của Công ty là 5.700 triệu đồng. Nguồn vốn dự kiến từ các nguồn cụ thể như sau: Nguồn chi sửa chữa thường xuyên (Kế hoạch tài chính năm 2026) là: 1.850 triệu đồng; Nguồn vốn kết dư từ sản phẩm, dịch vụ công ích (dự kiến năm 2026) là: 1.850 triệu đồng. Nguồn dịch vụ thủy lợi (dự kiến phê duyệt được giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi năm 2026) là: 2.000 triệu đồng.

*(Kèm theo Danh mục các công trình đầu tư trong Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Kế hoạch đầu tư năm 2026 thuộc hệ thống thủy lợi Thủy Nguyên).*

### III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

#### 1. Giải pháp về tài chính

a) Hoạt động dịch vụ công ích.

- Đẩy mạnh việc khai thác tăng thêm doanh thu từ dịch vụ cung cấp nước thô phục vụ sản xuất công nghiệp, xây dựng, sinh hoạt và nguồn thu phí xả nước thải xuống công trình thủy lợi để có kinh phí cải tạo, sửa chữa thường xuyên các công trình.

- Chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động dịch vụ công ích theo hướng tiến tới đặt hàng thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích theo Nghị định của Chính phủ; kết hợp cùng các địa phương thực hiện tốt các biện pháp tưới, tiêu nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất.

- Tổ chức thực hiện, sử dụng có hiệu quả, bảo toàn và phát triển nguồn vốn được chủ sở hữu giao.

b) Hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Thường xuyên phân tích và đánh giá hiệu quả, kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh, điều chỉnh kịp thời việc đầu tư kinh doanh phù hợp với điều kiện thực tế; tăng cường công tác hạch toán và quản lý chặt chẽ, tiết kiệm các chi phí, đảm bảo kinh doanh có hiệu quả và tích lũy vốn để phát triển.

- Đẩy mạnh việc thu hồi tiền nợ đọng của các đơn vị sử dụng nước, các công trình nhận thầu thi công xây dựng.

- Huy động vốn góp của cán bộ, công nhân viên lao động, vốn của tổ chức tín dụng để đầu tư sản xuất kinh doanh.

## 2. Giải pháp tổ chức sản xuất

### a) Hoạt động dịch vụ công ích.

- Xây dựng và thực hiện nghiêm túc quy trình vận hành hệ thống các công trình thủy lợi, làm tốt công tác phòng chống nhiễm mặn, khai thác triệt để khả năng lấy nước phù sa, thau chua rửa mặn, cải tạo đồng ruộng của các công trình.

- Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện nội quy, quy trình, quy phạm vận hành công trình, máy móc thiết bị, phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố công trình trước, sau mùa mưa bão và trước các vụ sản xuất. Có kế hoạch cải tạo, sửa chữa nâng cấp, duy tu bảo dưỡng thường xuyên công trình, máy móc thiết bị, đảm bảo cho công trình vận hành an toàn trong mọi điều kiện.

- Khai thác gắn với công tác bảo vệ, đầu tư nâng cấp công trình, làm tốt công tác quy hoạch đảm bảo tính lâu dài và đồng bộ, hệ thống tưới, tiêu được khép kín từ các công trình đầu mối đến mặt ruộng, phù hợp với từng loại cây trồng, vùng sản xuất, từng ngành kinh tế và đời sống dân sinh.

- Khai thác triệt để dịch vụ cung cấp nước thô cho sản xuất công nghiệp, xây dựng và sinh hoạt. Trước mắt là khai thác hợp đồng cung cấp nước thô với tất cả các đơn vị dùng nước có sử dụng nước cho sản xuất công nghiệp, xây dựng và sản xuất nước sạch trên địa bàn 08 xã, phường (phía Bắc thành phố).

### b) Hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tích cực khai thác, tìm kiếm việc làm trên cơ sở phát huy tiềm năng của Công ty, nhu cầu của thị trường. Tăng cường liên danh, liên kết tham gia dự thầu, đấu thầu các dự án, công trình xây dựng của các Ban quản lý dự án trên địa bàn thành phố và các tỉnh khác.

- Tiếp tục xây dựng Xí nghiệp thi công xây lắp công trình với năng lực và nhân lực đủ mạnh để tham gia đấu thầu các công trình xây dựng, lắp đặt thiết bị máy móc... trên địa bàn thành phố và các tỉnh khác.

- Tận dụng các điều kiện cơ sở vật chất về đất đai, bèn bãi, mặt nước tại các công trình, máy móc, thiết bị hiện có để khai thác mở rộng các dịch vụ khác, thêm việc làm cho người lao động và tăng nguồn thu cho Công ty.

- Từng bước nâng cao năng lực thi công, thực hiện các biện pháp thi công khoa học để nâng cao năng lực và kinh nghiệm nhà thầu, chủ động tìm các công trình mới trong hoạt động xây dựng cơ bản.

N:0  
CÓN  
TN  
THA  
KHAI  
TRIN  
THUY N  
PHO

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ trong thực hiện sản xuất kinh doanh, công tác tài chính, chính sách đối với người lao động.

### **3. Giải pháp về marketing**

- Tìm kiếm thị trường; xây dựng hình ảnh, uy tín của Công ty bằng chất lượng cung cấp các dịch vụ công ích, sản phẩm công trình do Công ty cung cấp và thực hiện.

- Tăng cường quảng bá, giới thiệu về Công ty trên trang thông tin điện tử của Công ty và các kênh thông tin khác đến khách hàng và đối tác để thu hút, tìm kiếm việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.

### **4. Giải pháp về nguồn nhân lực**

- Thực hiện đào tạo phát triển nguồn nhân lực đảm bảo các yêu cầu về năng lực đối với tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi theo quy định của Luật Thủy lợi, Nghị định của Chính phủ.

- Mở rộng sản xuất kinh doanh bằng hình thức đào tạo, đào tạo lại, cử cán bộ tham gia các lớp học tập trung, tại chức tại các trường chuyên ngành, cùng với việc mở các lớp bồi dưỡng ngắn hạn nâng cao trình độ chuyên môn cho công nhân lao động tại Công ty. Trong đó chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ nguồn kế cận, các chức danh cán bộ chủ chốt và đội ngũ cán bộ kỹ thuật chuyên ngành, công nhân lành nghề có năng lực, trình độ và kinh nghiệm thực tiễn.

- Đổi mới và xây dựng tác phong làm việc công nghiệp, khoa học, văn minh của cán bộ và người lao động, lấy hiệu quả công việc làm tiêu chí sắp xếp cán bộ; Thực hiện việc thi tuyển để lựa chọn lao động mới ở những lĩnh vực, công việc còn thiếu và yếu.

### **5. Giải pháp về công nghệ - Kỹ thuật**

- Ứng dụng các công nghệ mới, các phương pháp tưới tiêu khoa học phù hợp với sự tăng trưởng và phát triển của cây trồng để tiết kiệm nguồn nước và chi phí tiền điện bơm nước.

- Tiếp tục lắp đặt hệ thống đóng mở bằng điện cho các công trình cống tưới tiêu chính, nhằm giảm bớt lao động nặng nhọc cho công nhân vận hành, tiết kiệm lao động vận hành công trình.

- Ứng dụng tin học vào công tác quản lý điều hành và vận hành hệ thống công trình thủy lợi, công tác kế toán, kỹ thuật...

### **6. Giải pháp về quản lý và khai thác công trình thủy lợi**

- Tiếp tục xây dựng phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ các tuyến kênh trục chính.

- Thực hiện nghiêm quy định của Luật Thủy lợi; Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ; các Quyết định, Chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố: số 189/2025/QĐ-UBND ngày 16/10/2025 quy định phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố; số 222/2025/QĐ-UBND ngày 01/12/2025 về việc ban hành quy chế phối hợp xử lý vi phạm hành chính về thủy

100  
S TY  
IH  
NH V  
HAC  
THUY  
UYEN  
HAI

lợi và đề điều trên địa bàn thành phố; số 03/CT-UBND ngày 24/02/2023 về việc tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về thủy lợi trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Tăng cường công tác quản lý điều hành, đặc biệt là công tác quản lý vận hành công trình tưới tiêu, phục vụ sản xuất, đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp, phù hợp với chuyển dịch cơ cấu cây trồng, cung cấp đủ nguồn nước, chất lượng nước cho sản xuất nước sạch phục vụ nhu cầu dân sinh kinh tế địa bàn 08 xã, phường (phía Bắc thành phố).

- Tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền liên quan đến quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi đến cán bộ, công nhân viên lao động và cộng đồng dân cư, đặc biệt là đối với người trực tiếp được giao nhiệm vụ quản lý vận hành công trình.

- Thường xuyên kiểm tra, phát hiện các hành vi vi phạm, lấn chiếm công trình thủy lợi, đồng thời báo cáo và đề nghị chính quyền cơ sở có biện pháp xử lý kịp thời đối với các trường hợp vi phạm Luật Thủy lợi.

- Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các nguồn xả thải gây ô nhiễm nguồn nước, kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền hoặc chính quyền địa phương để xử lý dứt điểm những vi phạm xả nước thải ô nhiễm xuống công trình thủy lợi.

- Xây dựng quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi theo hướng thực hiện đa mục tiêu và phát triển bền vững.

- Xây dựng và thực hiện tốt phương án phòng chống hạn, xâm nhập mặn vụ Đông - Xuân; phương án phòng, chống lụt bão cho toàn hệ thống, từng khu vực và từng công trình trọng điểm.

## **7. Giải pháp về quản lý, điều hành**

- Thực hiện công tác giám sát, kiểm tra thường xuyên và đột xuất nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi cán bộ, công nhân viên lao động trong công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi.

- Sắp xếp tổ chức bộ máy phù hợp với đặc điểm và chức năng, nhiệm vụ của Công ty, kiểm tra, rà soát, điều chỉnh, phân công lao động cho phù hợp với tay nghề và trình độ chuyên môn của từng cán bộ, công nhân viên lao động, phát huy năng lực và sở trường cá nhân của người lao động; phân công nhiệm vụ cụ thể, quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng chức danh lãnh đạo, từng cá nhân, các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Xí nghiệp thi công xây lắp công trình, các Trạm thủy nông, Đội kênh trục, các công trình trong Công ty.

- Xây dựng và áp dụng cơ chế khoán quản lý, khoán quỹ lương trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật đã được Thành phố ban hành, gắn trách nhiệm với quyền lợi của người lao động, thưởng phạt công minh và kịp thời.

- Xây dựng hệ thống nội quy, quy chế, quy định nội bộ của Công ty phù hợp với quy định của Nhà nước và tình hình thực tiễn để thống nhất trong quá trình chỉ đạo và tổ chức thực hiện.



- Tăng cường mối quan hệ giữa Công ty với các địa phương, đơn vị để thực hiện tốt nhiệm vụ.

Trên đây là Kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Công TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Thủy Nguyên, kính đề nghị Sở Tài chính xem xét, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố. 

**Nơi nhận:**

- UBND thành phố;
- Sở Tài chính;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Nội vụ;
- Lưu VT, KH. 

**CHỦ TỊCH CÔNG TY**  
  
**Nguyễn Trung Kiên**

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG  
CÔNG TY TNHH MTV KTCT THỦY LỢI  
THỦY NGUYÊN

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT  
KINH DOANH THU - CHI NĂM 2026



TT	Nội dung	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch 2026	Chi phí HĐCI 43%	Chi phí HĐ khác 57%	Hoạt động KD Tổng hợp
<b>A</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>69.796.833.205</b>	<b>71.268.000.000</b>	<b>23.037.000.000</b>	<b>29.400.000.000</b>	<b>18.831.000.000</b>
<b>I</b>	<b>Doanh thu dịch vụ thủy lợi</b>	<b>51.040.583.798</b>	<b>52.437.000.000</b>			
1	Doanh thu dịch vụ thủy lợi	21.943.634.998	23.037.000.000	23.037.000.000		
2	Doanh thu dịch vụ thủy lợi khác	29.096.948.800	29.400.000.000			
2.1	Doanh thu nước thô	28.946.948.800	29.400.000.000		29.400.000.000	
2.1	Doanh thu dịch vụ thủy lợi khác	150.000.000			0	
<b>II</b>	<b>Doanh thu KD tổng hợp</b>	<b>18.756.249.407</b>	<b>18.831.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>18.831.000.000</b>
1	Doanh thu XDCB	18.090.065.992	18.831.000.000			18.831.000.000
2	Lãi tiền gửi Ngân hàng	14.342.899				
3	Doanh thu nhượng bán vật tư	38.633.111				
4	Thu nhập khác	613.207.405				
<b>B</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>64.789.741.429</b>	<b>66.155.534.800</b>	<b>21.219.390.705</b>	<b>26.670.074.095</b>	<b>18.266.070.000</b>
<b>I</b>	<b>Chi dịch vụ thủy lợi</b>	<b>46.963.965.528</b>	<b>47.889.464.800</b>	<b>21.219.390.705</b>	<b>26.670.074.095</b>	<b>0</b>
1	Lương và các khoản có tính chất lương	22.759.569.800	26.121.934.000	11.232.431.620	14.889.502.380	
	- Lương viên chức quản lý	1.288.000.000	2.004.000.000	861.720.000	1.142.280.000	
	- Lương của người lao động	21.471.569.800	24.117.934.000	10.370.711.620	13.747.222.380	
2	Ăn giữa ca cho VCQL và người lái	1.762.450.000	1.887.600.000	811.668.000	1.075.932.000	
3	BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	5.183.846.038	6.138.654.490	2.229.053.796	3.909.600.694	
4	Khấu hao TSCĐ	919.258.765	930.846.704	159.752.558	771.094.146	
5	Nguyên - Nhiên - Vật liệu s/c bảo dưỡng	178.220.221	546.042.243	234.798.165	311.244.078	
6	Sửa chữa thường xuyên	6.292.342.540	1.850.412.265	795.677.274	1.054.734.991	
7	Chi tiền điện tưới tiêu nước	893.081.818	900.000.000	387.000.000	513.000.000	
8	Quản lý doanh nghiệp và thuế Tài nguyên	4.159.255.691	4.614.015.898	1.210.026.836	3.403.989.062	
-	Chi phí quản lý	2.558.196.271	2.814.015.898	1.210.026.836	1.603.989.062	



TT	Nội dung	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch 2026	Chi phí HĐCI 43%	Chi phí HĐ khác 57%	Hoạt động KD Tổng hợp
-	Thuế tài nguyên (1% và 3%)	1.601.059.420	1.800.000.000		1.800.000.000	
9	Chi phí phục vụ PCLB, ứng hạn	373.952.000	411.347.200	176.879.296	234.467.904	
10	Chi phí đào tạo, nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ mới...	79.070.000	100.000.000	43.000.000	57.000.000	
11	Quỹ trợ cấp mất việc làm	35.380.000			0	
12	Bảo hộ ATLĐ, bảo vệ công trình	716.920.000	788.612.000	339.103.160	449.508.840	
13	Chi trả DV Thủy lợi các HTX năm 2026	3.595.405.020	3.600.000.000	3.600.000.000	0	
14	Chi phí khác	15.213.635				
<b>II</b>	<b>Chi KD tổng hợp</b>	<b>17.825.775.901,0</b>	<b>18.266.070.000</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	<b>18.266.070.000,0</b>
1	Giá vốn XD công trình	17.825.775.901	18.266.070.000			18.266.070.000
3	Giá vốn vật tư	0				
<b>C</b>	<b>Cân đối thu - chi</b>	<b>5.007.091.776</b>	<b>5.112.465.200</b>	<b>1.817.609.295</b>	<b>2.729.925.905</b>	<b>564.930.000</b>
1	Lãi KD tổng hợp	930.473.506	564.930.000			564.930.000
2	Lãi dịch vụ thủy lợi	1.222.320.126	1.817.609.295	1.817.609.295		
3	Lãi dịch vụ khác	2.854.298.144	2.729.925.905		2.729.925.905	
<b>D</b>	<b>Thuế TNDN phải nộp</b>	<b>756.954.330</b>	<b>658.971.181</b>	<b>0</b>	<b>545.985.181</b>	<b>112.986.000</b>
	Lợi nhuận sau thuế	4.250.137.446	4.453.494.019			

Ngày 30 tháng 01 năm 2026

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI LẬP

CHỦ TỊCH CÔNG TY

*(Handwritten signature)*

*(Handwritten signature)*



Lê Thị Thanh Hương

Nguyễn Thị Hà

Nguyễn Trung Kiên

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2025 THUỘC HỆ THỐNG THỦY LỢI THỦY NGUYÊN**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Công trình - Hàng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Nội dung cải tạo, nâng cấp, sửa chữa	Kinh phí		Nguồn vốn (Thực hiện năm 2024)				Công trình đang thực hiện	Ghi chú	
				Theo Kế hoạch được UBND TP phê duyệt tại QĐ 1729/QĐ-UBND, ngày 05/6/2025	Theo QĐ được Chủ đầu tư phê duyệt	Theo QĐ được UBND ngày 14/11/2025	Theo Quyết toán	Nguồn vốn hỗ trợ bảo trì, sửa chữa TSCĐ	Nguồn dịch vụ thủy lợi (Quyết toán)			Nguồn Quỹ đầu tư phát triển của Công ty (Quyết toán)
				(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)			(11)=(7)+(8)+(9)+(10)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=(7)+(8)+(9)+(10)	(12)=(6)-(11)	(13)
I	Công trình sửa chữa từ Nguồn hỗ trợ bảo trì, sửa chữa TSCĐ			14.243	14.340	-	14.137	-	14.137			
1	Kênh Hòn Ngọc	Phường Thủy Nguyên và xã Việt Khê	Đắp tôn cao, áp hoàn thiện 2 bên bờ kênh; giải tỏa cây cối trên bờ kênh, nạo vét đập bờ đoạn từ công An Sơn đến cầu Đoàn	1.150	2.879		2.819		2.819			
2	Kênh Chu	Phường Thủy Nguyên và Lưu Kiếm	Đắp tôn cao, áp hoàn thiện 2 bên bờ kênh; giải tỏa cây cối trên bờ kênh, nạo vét đập bờ đoạn từ Cầu TĐC Hoa Đông đến công Bình	2.400	2.399		2.384		2.384			
3	Kênh Kiến Bái Tây	Phường Thiên Hương	Nạo vét, đắp bờ đoạn từ Kênh Hòn Ngọc đến cầu Hà Luân	600	613		604		604			
4	Kênh Thái Lai, Kênh Đồng Đò		Nạo vét, đắp bờ kênh từ công Xôi đến kênh Lâm Hoa									
-	Kênh Thái Lai	Phường Lê Ích Mốc	Nạo vét, đắp bờ kênh cả tuyến	1.250	2.400		2.376		2.376			
-	Kênh Đông Đò	Phường Lê Ích Mốc	Nạo vét, đắp bờ kênh cả tuyến	1.150								
5	Kênh Công Giá, Kênh Nội Vung		Nạo vét, đắp bờ kênh cả tuyến	1.700	2.693		2.667		2.667			
-	Kênh Công Giá	Phường Lưu Kiếm	Nạo vét, đắp bờ kênh cả tuyến	950								
-	Kênh Nội Vung	Phường Lưu Kiếm	Nạo vét, đắp bờ kênh cả tuyến từ công Trà Sơn đến Kênh hút TB Bãi Đá									
6	Kênh Đầm Dài, kênh Sáu Phiến		Nạo vét, đắp bờ đoạn từ cầu Vsp đến công Sáu Phiến	1.150	2.189		2.143		2.143			
-	Kênh Đầm Dài	Phường Thủy Nguyên	Nạo vét, đắp bờ đoạn từ công Sáu Phiến đến cầu Vsp	1.000								
-	Kênh Sáu Phiến	Phường Thủy Nguyên	Sửa chữa kênh tưới	500	504		496		496			
7	Kênh tưới sau Trạm bơm 1-5	Phường Nam Triệu	Nạo vét, đắp bờ kênh cả tuyến từ công Miếu Trọ đến nhà Vĩnh Ngọc	673	663		648		648			
8	Kênh Miếu Trọ	Phường Thiên Hương		7.020	10.394	1.354		5.646	7.000			
II	Công trình sửa chữa từ Nguồn dịch vụ thủy lợi và nguồn thu khác											
1	Kênh trục chính Hồ Sông Giá (chuyên tiếp năm 2025, hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định phê duyệt)	Thành phố Hải Phòng	Lập phương án cắm mốc giới bảo vệ Kênh trục chính Hồ Sông Giá	720	1.650							Chuyên tiếp thực hiện 2026
2	Trụ sở Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Thủy Nguyên	Phường Thiên Hương	Sửa chữa phòng làm việc, sân, lan để xe	500	430			430	430		0	



STT	Công trình - hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Nội dung cải tạo, nâng cấp, sửa chữa	Kinh phí		Nguồn vốn (Thực hiện năm 2024)					Công trình đang thực hiện	Ghi chú
				Theo Kế hoạch được UBND TP phê duyệt tại QĐ 1729/QĐ-UBND, ngày 05/6/2025	Theo QĐ được Chủ đầu tư phê duyệt	Nguồn hỗ trợ bảo trì, sửa chữa TSCĐ		Nguồn Quỹ đầu tư phát triển của Công ty (Quyết toán)	Tổng cộng (Quyết toán)			
						Theo QĐ 4597/QĐ-UBND ngày 14/11/2025	Theo Quyết toán			(7)		
(1)			(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=(7)+(8)+(9)+(10)	(12)=(6)-(11)	(13)
3	Kênh sau cống Cái Thán	Phường Bạch Đằng	Nạo vét, đắp bờ kênh đoạn từ cuối kè cống Cái Thán đến +380m	480	421			410		410		
4	Kênh Núi Lấm	Phường Thủy Nguyễn	Đắp sửa bờ kênh đoạn từ cầu Giàng đến Hồ Sóng Giá	350	321			321		321	0	
5	Kênh hút trạm bơm Thanh Lăng	Phường Quảng Thanh	Nạo vét và đắp bờ kênh	100	71			71		71		
6	Kênh Hàm Éch; Kênh Cây Nhang											
-	Kênh Hàm Éch	Liên xã Liên Xuân - Phường Lưu Kiếm	Nạo vét, đắp bờ kè tiếp từ đoạn làm 2024 từ cống đầu kênh Đồng Mới đến Đốc Thủ	1.000	1.668	1.354		283		1.637		
-	Kênh Cây Nhang	Liên xã Liên Xuân - Phường Lưu Kiếm	Nạo vét, đắp bờ kênh cả tuyến từ cống Cây Nhang đến Kênh Hàm Éch	600								
7	Kênh Đồng Mới	Liên xã Quang Trung - Liên Xuân	Nạo vét, đắp bờ kênh cả tuyến từ hồ Sóng Giá đến Kênh Hàm Éch	350	275			259		259		
8	Kênh hút trạm bơm Huệ Lăng		Nạo vét từ kênh Hòn Ngọc đến Trạm bơm	300								Không đầu tư năm 2025
9	Kênh hút trạm bơm Hà Luận	Phường Hòa Bình	Nạo vét từ kênh Chu đến trạm bơm	350	236			231		231		
10	Kênh hút trạm bơm 1-5	Phường Nam Triều Giang	Nạo vét, đắp bờ kênh cả tuyến từ Cống 1-5 đến trạm bơm	200	95			90		90		
11	Kênh Dương Quan	Phường Dương Quan	Cầu Trắng đến cống Dương Quan	300	213			204		204		
12	Các công trình cống, đập, trạm bơm, kênh...	Thành phố Thủy Nguyễn	Sửa chữa sự cố đột xuất, cấp bách trên toàn hệ thống; Vết bèo rác vệ sinh kênh mương	1.770	5.014			3.347		3.347		
12.1	Kênh Lối Động	Phường Thiên Hương	Nạo vét, đắp bờ kênh đoạn từ kênh Thiên Lâm đến đường vào TB Lối Động		256			247		247		
12.2	Các công trình cống, đập, trạm bơm, kênh	Phường Lưu Kiếm	Sửa chữa sự cố đột xuất, cấp bách; vét bèo, rác vệ sinh kênh mương hệ thống kênh Hàm Éch		181			181		181		
12.3	Các công trình cống, đập, trạm bơm, kênh	Phường Bạch Đằng	Sửa chữa sự cố đột xuất, cấp bách; vét bèo, rác vệ sinh kênh mương hệ thống kênh Phan Đạt		169			169		169		
12.4	Các công trình cống, đập, trạm bơm, kênh	Xã Việt Khê	Sửa chữa sự cố đột xuất, cấp bách; vét bèo, rác vệ sinh kênh mương hệ thống kênh hút trạm bơm Trác Bạch + kênh trụ chính Hồ Sóng Giá		275			275		275		
12.5	Các công trình cống, đập, trạm bơm, kênh	Phường Lê Ích Mộc	Sửa chữa sự cố đột xuất, cấp bách; vét bèo, rác vệ sinh kênh mương hệ thống kênh Đồng Đô + Hòn Ngọc		298			298		298		
12.6	Kênh Xóm 8	Phường Hòa Bình	Nạo vét, đắp bờ kênh từ kênh Thủy Triều đến kênh Thủy Hà		200			195		195		
12.7	Cống Lạch Thu	Phường Lưu Kiếm	Cải tạo, nâng cấp cống; Nạo vét kênh trước và sau cống Lạch Thu		296			295		295		
12.8	Kênh Lối Động	Phường Thiên Hương	Nạo vét, đắp bờ kênh sự cố kênh Cầu Kiều + đầm bảo tiêu nước KCN Nam Cầu Kiều		359			359		359		



**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CẢI TẠO, NÂNG CẤP, SỬA CHỮA NĂM 2026 THUỘC HỆ THỐNG THỦY LỢI THỦY NGUYÊN**

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Tọa độ vị trí	Nội dung duy tu, cải tạo, sửa chữa	Chiều dài (m)	Dự kiến kinh phí	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Duy tu, sửa chữa các công trình thủy lợi (Kinh phí từ nguồn bảo vệ đất trồng lúa)</b>						
1	Trạm Bơm Đồng Giá	Phường Lưu Kiếm	X-Y: 20.9629462 - 106.6507418	Cải tạo trạm bơm, sửa chữa kênh tưới sau trạm bơm		35.983	
2	Trạm bơm Bãi Đá	Phường Lưu Kiếm	X-Y: 20.9544664 - 106.6525859	Cải tạo trạm bơm, bê hút, nạo vét kênh hút và sửa chữa kênh tưới sau trạm bơm		1.183	
3	Kênh Hòn Ngọc	Phường Thiên Hương + Thủy Nguyên	Điểm đầu: 20.9226568 - 106.6503425 Điểm cuối: 20.8900106- 106.6732033	Nạo vét, đắp bờ trái kênh đoạn từ cầu Trinh Xá đến cầu Đen	5.400	2.200	
4	Kênh ngăn mặn Phả Lập	Phường Nam Triệu	Điểm đầu: 20.9080182 - 106.7543029 Điểm cuối: 20.8889488- 106.7371043	Nạo vét, đắp bờ kênh	3.200	1.800	
5	Kênh Đám Cầu	Phường Nam Triệu	Điểm đầu: 20.9233028 - 106.7413532 Điểm cuối: 20.9409435- 106.7417448	Nạo vét, đắp bờ kênh	2.600	1.900	
6	Kênh Cao Kênh, Kênh Hòn Ngọc	Phường Lê Ích Mộc					
	Kênh Cao Kênh	Phường Lê Ích Mộc	Điểm đầu: 20.9423432 - 106.6022173 Điểm cuối: 20.9482336- 106.6118662	Nạo vét, đắp bờ kênh	1.300	900	
	Kênh Hòn Ngọc	Phường Lê Ích Mộc	Điểm đầu: 20.9458633 - 106.6248703 Điểm cuối: 20.9490552- 106.6111417	Nạo vét, đắp bờ kênh đoạn từ cầu Si đến cầu Chùa Ruồi	1.700	1.100	



STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Tọa độ vị trí	Nội dung duy tu, cải tạo, sửa chữa	Chiều dài (m)	Dự kiến kinh phí	Ghi chú
7	Kênh Thủy Hà	Phường Thủy Nguyên - Phường Hoà Bình	Điểm đầu: 20.9224729 - 106.7080653 Điểm cuối: 20.8970414- 106.7195556	Nạo vét, đắp bờ kênh	3.670	2.150	
8	Kênh Điều Tú, Kênh Ông Phàm	Phường Lưu Kiếm					
	Kênh Điều Tú	Phường Lưu Kiếm	Điểm đầu: 20.9788829 - 106.6788926 Điểm cuối: 20.9916956- 106.6750725	Nạo vét, đắp bờ kênh đoạn từ đập Hang Móc đến cống Hang Lương	1.600	900	
	Kênh Điều Tú	Phường Lưu Kiếm	Điểm đầu: 21.0080909 - 106.6729039 Điểm cuối: 21.0024275- 106.667389	Nạo vét, đắp bờ kênh Đoạn từ cống Điều Tú đến cống Ba Đồng	1.050	500	
	Kênh Ông Phàm	Phường Lưu Kiếm	Điểm đầu: 20.9997582 - 106.6808148 Điểm cuối: 21.0044085- 106.6728982	Nạo vét, đắp bờ kênh	950	600	
9	Kênh Cầu Phúc, Kênh Đá Bạc	Phường Lưu Kiếm					
	Kênh Cầu Phúc	Phường Lưu Kiếm	Điểm đầu: 20.9823618 - 106.6767656 Điểm cuối: 20.9870975- 106.664801	Nạo vét, đắp bờ kênh đoạn từ kênh Điều Tú đến trạm bơm Thủy Tinh	1.700	1.000	
	Kênh Đá Bạc	Phường Lưu Kiếm	Điểm đầu: 21.0031227 - 106.6843747 Điểm cuối: 20.9921175- 106.674921	Nạo vét, đắp bờ kênh	1.850	700	
	Kênh Hàm Ếch, Kênh Con Cừ	Phường Lưu Kiếm					

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Tọa độ vị trí	Nội dung duy tu, cải tạo, sửa chữa	Chiều dài (m)	Dự kiến kinh phí	Ghi chú
10	Kênh Hàm Éch	Phường Lưu Kiếm	Điểm đầu: 20.979913 - 106.6606124 Điểm cuối: 20.9778088- 106.6781584	Nạo vét, đắp bờ kênh đoạn từ trạm bơm Chợ Thụ đến cống Móc	2.000	1.000	
	Kênh Con Cù	Phường Lưu Kiếm	Điểm đầu: 20.9635871 - 106.6592371 Điểm cuối: 20.9795093 - 106.6599271	Nạo vét, đắp bờ kênh	1850	850	
11	Kênh Thủy Triều	Phường Thủy Nguyên	Điểm đầu: 20.9040675 - 106.7170233 Điểm cuối: 20.9040916- 106.7170377	Nạo vét, đắp bờ kênh đoạn từ cầu Vship đến cống Đồng Đáy II	2.700	1.750	
12	Kênh Chu	Phường Hoà Bình	Điểm đầu: 20.9479963 - 106.671827 Điểm cuối: 20.9425038- 106.6844917	Nạo vét, đắp bờ kênh đoạn từ cống Chu đến cầu Hà Luạn	1.750	1.300	
13	Kênh Thiên Lâm + Hòn Ngọc	Phường Thiên Hương					
	Kênh Thiên Lâm	Phường Thiên Hương	Điểm đầu: 20.8982097 - 106.6452413 Điểm cuối: 20.8846207- 106.6446562	Nạo vét, đắp bờ kênh đoạn từ TB Đường Mạ đến Cống Lâm	1.750	750	
	Kênh Hòn Ngọc	Phường Thiên Hương	Điểm đầu: 20.9226568 - 106.6503425 Điểm cuối: 20.9054687- 106.6708313	Nạo vét, đắp bờ phải kênh đoạn từ cầu Trịnh Xá đến cầu TĐC Hoa Động	4.000	1.450	
	Kênh My Sơn Cống Khánh, Kênh Tân Lập, Kênh Tam Phục	Phường Nam Triệu và Phường Bạch Đằng					

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Tọa độ vị trí	Nội dung duy tu, cải tạo, sửa chữa	Chiều dài (m)	Dự kiến kinh phí	Ghi chú
14	Kênh My Sơn Cống Khánh	Phường Nam Triệu - Phường Bạch Đằng	Điểm đầu: 20.9410042 - 106.7408453 Điểm cuối: 20.9455308- 106.7434192	Nạo vét, đắp bờ kênh từ Kênh Đàm Cầu đến cống My Sơn	900	600	
	Kênh Tân Lập	Phường Nam Triệu	Điểm đầu: 20.8891007 - 106.7293151 Điểm cuối: 20.8972187- 106.7324285	Nạo vét, đắp bờ kênh	978	500	
	Kênh Tam Phục	Phường Nam Triệu	Điểm đầu: 20.9433226 - 106.7522229 Điểm cuối: 20.9320716- 106.755858	Nạo vét, đắp bờ kênh đoạn từ nhà máy nhiệt điện I đến cầu cửa hàng	1.500	700	
15	Kênh Lạch Thu, Kênh sau cống Tầu, Kênh hút trạm bơm Điều Tú	Phường Lưu Kiếm					
	Kênh Lạch Thu	Phường Lưu Kiếm	Điểm đầu: 20.9805818 - 106.6535722 Điểm cuối: 20.9710921- 106.645368	Nạo vét, đắp bờ kênh	1.300	700	
	Kênh sau cống Tầu	Phường Lưu Kiếm	Điểm đầu: 21.0144407 - 106.656002 Điểm cuối: 21.0071688- 106.6558964	Nạo vét, đắp bờ kênh	913	600	
	Kênh hút trạm bơm Điều Tú	Phường Lưu Kiếm	Điểm đầu: 21.0076627 - 106.6569441 Điểm cuối: 21.0024266- 106.6673816	Nạo vét, đắp bờ kênh	1.300	700	
	Kênh Đình Kênh, Kênh sau cống Đàm Lái, Kênh hút trạm bơm Trúc Bạch	Xã Việt Khê					

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Tọa độ vị trí	Nội dung duy tu, cải tạo, sửa chữa	Chiều dài (m)	Dự kiến kinh phí	Ghi chú
16	Kênh Đình Kênh	Phường Lê Ích Mộc	Điểm đầu: 20.9799783 - 106.6151969 Điểm cuối: 20.9734479- 106.6211862	Nạo vét, đắp bờ kênh	880	400	
	Kênh sau cống Đầm Lái	Xã Việt Khê	Điểm đầu: 21.0134229 - 106.5872416 Điểm cuối: 21.0072875- 106.5924434	Nạo vét, đắp bờ kênh	1.050	400	
	Kênh hút trạm bơm Trúc Bạch	Xã Việt Khê	Điểm đầu: 20.9909562 - 106.6164941 Điểm cuối: 20.9953169- 106.6239402	Nạo vét, đắp bờ kênh	1.100	650	
17	Kênh sau cống Thủ Lợn, Kênh sau cống Hòa Bình	Phường Bạch Đằng					
	Kênh sau cống Thủ Lợn	Phường Bạch Đằng	Điểm đầu: 20.986828 - 106.695356 Điểm cuối: 20.9907202- 106.6877828	Nạo vét, đắp bờ kênh	1.362	700	
	Kênh sau cống Hòa Bình	Phường Bạch Đằng	Điểm đầu: 20.9861884 - 106.698572 Điểm cuối: 20.9900641- 106.7067689	Nạo vét, đắp bờ kênh	2.131	1.000	
18	Kênh Mai Trà- Đầm Dù	Phường Thiên Hương	Điểm đầu: 20.9236223 - 106.6252984 Điểm cuối: 20.9056329- 106.6407322	Nạo vét, đắp bờ kênh	3.300	2.050	
	Kênh Lỗ Hồ, Kênh Đồng Nốt, Kênh Nãi Hồ,	Phường Lê Ích Mộc					

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Tọa độ vị trí	Nội dung duy tu, cải tạo, sửa chữa	Chiều dài (m)	Dự kiến kinh phí	Ghi chú
19	Kênh Lỗ Hồ	Phường Lê Ích Mộc	Điểm đầu: 20.9610542 - 106.612288 Điểm cuối: 20.9675409 - 106.6110421	Nạo vét, đắp bờ kênh	1.250	500	
	Kênh Đồng Nốt	Phường Lê Ích Mộc	Điểm đầu: 20.9476042 - 106.6220918 Điểm cuối: 20.9580172 - 106.6236177	Nạo vét, đắp bờ kênh	1300	500	
	Kênh Nải Hồ	Phường Lê Ích Mộc	Điểm đầu: 20.9582855 - 106.6131691 Điểm cuối: 20.9657993 - 106.6147885	Nạo vét, đắp bờ kênh	1.450	700	
	Kênh Phương Mỹ, Kênh Dám Kép Ký, Kênh sau cống Lái	Phường Lưu Kiếm và Phường Lê Ích Mộc					
20	Kênh Phương Mỹ	Phường Lê Ích Mộc	Điểm đầu: 20.9410111 - 106.6392422 Điểm cuối: 20.9434172 - 106.6339945	Nạo vét, đắp bờ kênh	1.000	550	
	Kênh Dám Kép Ký (Trà Sơn)	Phường Lê Ích Mộc	Điểm đầu: 20.9579355 - 106.6343036 Điểm cuối: 20.9678503 - 106.6343391	Nạo vét, đắp bờ kênh	1.700	700	
	Kênh sau cống Lái	Phường Lê Ích Mộc	Điểm đầu: 20.9528839 - 106.5939581 Điểm cuối: 20.9521697 - 106.6081842	Nạo vét, đắp bờ kênh	1.625	800	
II	Duy tu, sửa chữa các công trình thủy lợi (Kinh phí từ nguồn dịch vụ thủy lợi và các nguồn thu khác của Công ty)					5.700	
1	Kênh Năm Phiên	Phường Thuỷ Nguyên	Điểm đầu: 20.8978423 - 106.7049557 Điểm cuối: 20.8898744 - 106.7074059	Nạo vét, đắp bờ kênh	900 + 150	400	

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Tọa độ vị trí	Nội dung duy tu, cải tạo, sửa chữa	Chiều dài (m)	Dự kiến kinh phí	Ghi chú
2	Kênh Đầm Thuyền (Đ. Sác)	Phường Thuỷ Nguyễn	Điểm đầu: 20.9291608 - 106.6931519 Điểm cuối: 20.9265231 - 106.6849068	Nạo vét, đắp bờ kênh	960	500	
3	Kênh tiêu đội 6 (Cống Chanh)	Phường Lưu Kiếm	Điểm đầu: 20.9471349 - 106.6660335 Điểm cuối: 20.9474076 - 106.6740154	Nạo vét, đắp bờ kênh	1.700	800	
4	Kênh Phán Đạt	Phường Nam Triệu	Điểm đầu: 20.8966505 - 106.7328272 Điểm cuối: 20.8905789 - 106.7307773	Nạo vét, đắp bờ kênh từ cống Sơn 1 - Sơn 2	750	400	
5	Kênh Hoàn Trà	Phường Hoà Bình	Điểm đầu: 20.9153193 - 106.6966163 Điểm cuối: 20.9153309 - 106.7072603	Nạo vét, đắp bờ kênh	1.117	500	
6	Kênh Gia Minh	Phường Bạch Đằng	Điểm đầu: 20.9865566 - 106.7440106 Điểm cuối: 20.9785013 - 106.7459378	Nạo vét, đắp bờ kênh đoạn từ Trạm bơm Gia Đức đến cống Cuối Nguồn	920	350	
7	Kênh nhánh Cầu Phúc	Phường Lưu Kiếm	Điểm đầu: 20.9922521 - 106.6732654 Điểm cuối: 20.9881402 - 106.6690945	Nạo vét, đắp bờ kênh	770	350	
8	Kênh sau cống Đầm Đông	Phường Bạch Đằng	Điểm đầu: 20.9730485 - 106.6992801 Điểm cuối: 20.9693724 - 106.6994799	Nạo vét, đắp bờ kênh	800	400	
9	Các công trình cống, đập, trạm bơm, kênh	08 xã, phường (phía Bắc thành phố)		Sửa chữa sự cố đột xuất, cấp bách trên hệ thống; vớt bèo, rác vệ sinh kênh mương		2.000	
	<b>Tổng cộng:</b>					<b>41.683</b>	

**BẢNG TÍNH DIỆN TÍCH QUY ĐỔI VÀ SỐ LAO ĐỘNG KẾ HOẠCH NĂM 2026**

TT	Loại hình tưới tiêu	Diện tích (ha, m <sup>2</sup> )	Hệ số quy đổi diện tích	Diện tích quy đổi (ha, m <sup>2</sup> )	Hệ số quy lao động (công/ha)	Số ngày công/năm	Số lao động kế hoạch	Ghi chú
1	2	3	4	5=3*4	6	7	8=(5*6)/7	9
<b>I</b>	<b>Sản phẩm dịch vụ thủy lợi công ích</b>	<b>27.614,97</b>			4,788	302	158	Theo QĐ số 5142/2025/QĐ-UBND ngày 18/12/2025 về ĐMKTKT
1	Lúa							
	Tưới, tiêu bằng động lực	7.307,14	1,00	7.307,14				
	Tưới, tiêu bằng trọng lực	844,58	0,70	591,21				
2	Mạ, màu và cây vụ đông							
	Tưới, tiêu bằng động lực	1.738,06	0,40	695,22				
	Tưới, tiêu bằng trọng lực	46,20	0,28	12,94				
3	Cây hằng năm, cây ăn quả							
	Tưới, tiêu bằng động lực	1.041,49	0,80	833,32				
	Tưới, tiêu bằng trọng lực	906,00	0,56	507,22				
4	Nuôi trồng thủy sản							
	Cấp nước bằng kênh, cống...	1.355,50	0,76	1.030,18	4,131	302	19	
5	Tiêu thoát nước cho khu vực nông thôn và đô thị (trừ vùng nội thị)							
	Tiêu bằng trọng lực	14.376,00	0,02	287,52	0,168	302	8	
6	Cấp nước chăn nuôi	267.966,00			1,990/1000m3	302	2	
<b>II</b>	<b>Sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác</b>							
1	Tiêu thoát nước cho khu công nghiệp	808,00	0,35	282,80	1,676	302	4	Theo QĐ số 5142/2025/QĐ-UBND ngày 18/12/2025 về ĐMKTKT
2	Cấp nước thô phục vụ sản xuất công nghiệp và dân sinh (m <sup>3</sup> )	32.500.000	1,00	32.500.000	1,550/1000m <sup>3</sup>	302	167	
	<b>Tổng cộng</b>						<b>357</b>	